| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN ND HUYỆN LỘC NINH**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số: **39/**2019/QĐST-DS

*Lộc Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

# QUYẾT ĐỊNH
# ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

**Nhận thấy:**

Hợp đồng ủy quyền giữa ông Bùi Văn H1, bà Phạm Thị Tuyết M (Bên A) với ông Nguyễn Ngọc T1 (Bên B) đã được Công chứng viên chứng nhận vào ngày 09/10/2018. Tại Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền thể hiện: "Bên B được quyền đại diện cho bên A đến Ủy ban nhân dân xã Lộc Tấn, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh, Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước và các cơ quan chức năng có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tranh chấp đất đai…."

Theo biên bản H1 giải về việc tranh chấp đất đai ngày 09/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Tấn thể hiện ông Nguyễn Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn H1, đồng thời tại phần nội dung làm việc thể hiện nội dung làm việc là: "Căn cứ theo đơn của ông Dvề việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông H1".

Theo nội dung đơn khởi kiện thì người bị kiện là ông Nguyễn Ngọc T1, đồng thời quá trình giải quyết vụ án thể hiện các bên tranh chấp đất là tranh chấp giữa ông Phạm Văn D, bà Lê Thị Mỹ H với ông Nguyễn Ngọc T1 và ông Nguyễn Tấn Đ (con ông Tiến)

Theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai thì đối với tranh chấp quyền sử dụng đất bắt buộc phải H1 giải cơ sở trước khi khởi kiện đến Tòa án. Tuy nhiên, vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Phạm Văn D, bà Lê Thị Mỹ H với ông Nguyễn Ngọc T1 và ông Nguyễn Tấn Đ chưa được H1 giải cơ sở. Việc ông Nguyễn Ngọc T1 tham gia H1 giải cơ sở tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Tấn vào ngày 09/01/2019 là với tư cách người Đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn H1 chứ không phải là với tư cách cá nhân của ông Nguyễn Ngọc T1.

**Xét thấy:** Ông Phạm Văn D và bà Lê Thị Mỹ H khởi kiện khi chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*:

- Ông **Phạm Văn D**, sinh năm: 1973
- Bà **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm: 1973

Người Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Mỹ H: Ông **Phạm Thành T**, sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: Ấp 6A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Ấp 6A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà **Phạm Thị Tuyết M**, sinh năm: 1974
- Ông **Bùi Văn H1**, sinh năm: 1963

Cùng địa chỉ: Ấp 6A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Ông **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp 6B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

**2.** Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho ông Phạm Văn D và bà Lê Thị Mỹ H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000124 ngày 11/4/2019.

- Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn D và bà Lê Thị Mỹ H phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) mà ông D đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh.

- Ông Phạm Văn D và bà Lê Thị Mỹ H được quyền nộp đơn khởi kiện lại khi đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo nếu đương sự có yêu cầu.

**3.** Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Quang Minh**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:***

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc T ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc T ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).